



BẢN TIN PHÁP LUẬT

Số 34 – Tháng 11 Năm 2025 – Capable Counsel

I. Lĩnh vực thương mại

1.1. Thông tư 29/2025/TT-BKHCN quy định Danh mục sản phẩm, hàng hóa có khả năng gây mất an toàn lĩnh vực công nghệ thông tin và viễn thông thuộc trách nhiệm quản lý của Bộ Khoa học và Công nghệ ngày 13 tháng 11 năm 2025

Thông tư này quy định Danh mục sản phẩm, hàng hóa có khả năng gây mất an toàn thuộc lĩnh vực công nghệ thông tin và viễn thông thuộc trách nhiệm quản lý của Bộ Khoa học và Công nghệ (sau đây gọi tắt là Danh mục sản phẩm, hàng hóa nhóm 2); nguyên tắc quản lý sản phẩm, hàng hóa nhóm 2; quy định một số trường hợp ngưng hiệu lực, chưa bắt buộc áp dụng một phần/toàn bộ của một số quy chuẩn kỹ thuật.

Thông tư này chỉ áp dụng đối với sản phẩm, hàng hóa có mã số HS và mô tả sản phẩm, hàng hóa quy định tại Danh mục sản phẩm, hàng hóa nhóm 2.

Thông tư này áp dụng đối với:

- Tổ chức, cá nhân có hoạt động sản xuất, kinh doanh sản phẩm, hàng hóa thuộc Danh mục sản phẩm, hàng hóa nhóm 2 tại Việt Nam.
- Tổ chức, cá nhân có hoạt động liên quan đến quản lý chất lượng sản phẩm, hàng hóa thuộc Danh mục sản phẩm, hàng hóa nhóm 2 tại Việt Nam.

Thông tư này có hiệu lực thi hành kể từ ngày 31 tháng 12 năm 2025.

Thông tư số 02/2024/TT-BTTTT ngày 29 tháng 3 năm 2024 của Bộ trưởng Bộ Thông tin và Truyền thông quy định Danh mục sản phẩm, hàng hóa có khả năng gây mất an toàn thuộc trách nhiệm quản lý của Bộ Thông tin và Truyền thông hết hiệu lực thi hành kể từ ngày Thông tư này có hiệu lực thi hành.

Giấy chứng nhận hợp quy, Thông báo tiếp nhận bản công bố hợp quy đã được cấp cho sản phẩm, hàng hóa thuộc phạm vi điều chỉnh Thông tư này đến trước ngày Thông tư này có hiệu lực thi hành vẫn còn giá trị sử dụng cho đến hết thời hạn ghi trong Giấy chứng nhận hợp quy, Thông báo tiếp nhận bản công bố hợp quy.



Thông tư này áp dụng đến khi Danh mục sản phẩm, hàng hóa theo phân loại rủi ro được ban hành theo quy định của pháp luật về chất lượng sản phẩm, hàng hóa.

1.2. Nghị quyết 244/2025/QH15 về Kế hoạch phát triển kinh tế - xã hội năm 2026 do Quốc hội ban hành ngày 13 tháng 11 năm 2025

Năm 2026 là năm có ý nghĩa quan trọng, diễn ra Đại hội lần thứ XIV của Đảng, tổ chức bầu cử đại biểu Quốc hội khóa XVI và đại biểu Hội đồng nhân dân các cấp nhiệm kỳ 2026 - 2031, là năm đầu triển khai Kế hoạch phát triển kinh tế - xã hội 5 năm 2026 - 2030, bước vào Kỷ nguyên vươn mình phát triển giàu mạnh, thịnh vượng của dân tộc. Ưu tiên thúc đẩy tăng trưởng trên cơ sở giữ vững ổn định kinh tế vĩ mô, kiểm soát lạm phát, bảo đảm các cân đối lớn. Đẩy mạnh xây dựng, hoàn thiện đồng bộ thể chế phát triển, tháo gỡ kịp thời, dứt điểm các điểm nghẽn, nút thắt, khơi thông và giải phóng mọi nguồn lực; nhanh chóng ổn định tổ chức bộ máy, xây dựng nền hành chính tinh, gọn, mạnh, hiệu năng, hiệu lực, hiệu quả. Nâng cao tự chủ chiến lược, đổi mới mô hình phát triển với trọng tâm là xác lập mô hình tăng trưởng mới, lấy khoa học, công nghệ, đổi mới sáng tạo và chuyển đổi số làm động lực chính; cơ cấu lại nền kinh tế, đẩy mạnh công nghiệp hóa, hiện đại hóa gắn với tư duy hạch toán hiệu quả trong phát triển đất nước; nâng cao năng suất, chất lượng, khả năng chống chịu và sức cạnh tranh của nền kinh tế. Hoàn thiện đồng bộ và đột phá mạnh mẽ trong xây dựng kết cấu hạ tầng kinh tế - xã hội, khai thác hiệu quả không gian phát triển mới. Tập trung phát triển nguồn nhân lực chất lượng cao. Phát triển văn hóa, xã hội gắn kết chặt chẽ, hài hòa với phát triển kinh tế; ưu tiên bảo đảm an sinh xã hội, nâng cao đời sống Nhân dân. Quản lý và sử dụng hiệu quả tài nguyên, bảo vệ môi trường, chủ động thích ứng với biến đổi khí hậu. Kiên quyết, kiên trì đấu tranh phòng, chống tham nhũng, lãng phí, tiêu cực. Chủ động công tác truyền thông chính sách, “lấy tích cực đẩy lùi tiêu cực”, “lấy cái đẹp dẹp cái xấu”; tạo khí thế, niềm tin trong Nhân dân; nâng cao hiệu quả công tác dân vận, công tác mặt trận, tạo đồng thuận xã hội. Củng cố, tăng cường quốc phòng, an ninh, bảo vệ vững chắc độc lập, chủ quyền; giữ vững an ninh chính trị, trật tự, an toàn xã hội; đẩy mạnh đối ngoại và hội nhập quốc tế sâu rộng, thực chất, hiệu quả.

1.3. Thông tư 54/2025/TT-BCT sửa đổi Thông tư 09/2025/TT-BCT quy định hồ sơ, trình tự, thủ tục, phương pháp xác định, phê duyệt khung giá phát điện; quy định hồ sơ, trình tự, thủ tục xây dựng, phê duyệt khung giá nhập khẩu điện và Thông tư 12/2025/TT-BCT quy định phương pháp xác định giá dịch vụ phát điện; nguyên tắc tính giá điện để thực hiện



dự án điện lực; nội dung chính của hợp đồng mua bán điện do Bộ trưởng Bộ Công Thương ban hành ngày 21 tháng 11 năm 2025

Sửa đổi, bổ sung một số điều của Thông tư số 09/2025/TT-BCT ngày 01 tháng 02 năm 2025 của Bộ trưởng Bộ Công Thương quy định hồ sơ, trình tự, thủ tục, phương pháp xác định, phê duyệt khung giá phát điện; quy định hồ sơ, trình tự, thủ tục xây dựng, phê duyệt khung giá nhập khẩu điện.

Sửa đổi, bổ sung một số điều của Thông tư số 12/2025/TT-BCT ngày 01 tháng 02 năm 2025 của Bộ trưởng Bộ Công Thương quy định phương pháp xác định giá dịch vụ phát điện; nguyên tắc tính giá điện để thực hiện dự án điện lực; nội dung chính của hợp đồng mua bán điện.

Bên bán điện đã gửi hồ sơ đề nghị đàm phán hợp đồng mua bán điện và hai bên đang trong quá trình đàm phán giá điện trước ngày Thông tư này có hiệu lực thi hành nhưng chưa thỏa thuận, thống nhất ký kết hợp đồng mua bán điện thì tiếp tục đàm phán theo quy định tại Thông tư số 12/2025/TT-BCT, trừ trường hợp bên bán điện lựa chọn áp dụng Thông tư này để tiếp tục đàm phán thì bên bán điện và bên mua điện thực hiện đàm phán giá điện theo quy định tại Thông tư này.

Thông tư này có hiệu lực từ ngày 21 tháng 11 năm 2025.

1.4. Thông tư 55/2025/TT-BCT sửa đổi Thông tư 07/2019/TT-BCT quy định về xuất khẩu hàng dệt may sang Mê-hi-cô theo Hiệp định Đối tác Toàn diện và Tiến bộ xuyên Thái Bình Dương do Bộ trưởng Bộ Công Thương ban hành ngày 28 tháng 11 năm 2025

Sửa đổi, bổ sung và thay thế một số nội dung của Thông tư số 07/2019/TT-BCT ngày 19 tháng 4 năm 2019 của Bộ trưởng Bộ Công Thương quy định về xuất khẩu hàng dệt may sang Mê-hi-cô theo Hiệp định Đối tác Toàn diện và Tiến bộ xuyên Thái Bình Dương.

Thông tư này có hiệu lực thi hành kể từ ngày 13 tháng 01 năm 2026.

II. Lĩnh vực thuế

2.1. Nghị định 292/2025/NĐ-CP hướng dẫn Nghị quyết 216/2025/QH15 về kéo dài thời hạn miễn thuế sử dụng đất nông nghiệp ngày 06 tháng 11 năm 2025

Nghị định này quy định về đối tượng được miễn thuế, hạng đất tính thuế, thời hạn miễn thuế sử dụng đất nông nghiệp.

Hạng đất tính thuế sử dụng đất nông nghiệp trên cơ sở hạng đất được xác định theo quy định tại Quyết định số 326/TTg ngày 18 tháng 5 năm 1996 của Thủ tướng Chính phủ về việc phê chuẩn hạng đất tính thuế sử dụng đất nông nghiệp và Quyết định phê duyệt điều chỉnh hạng đất tính thuế sử dụng đất nông nghiệp của Thủ tướng Chính phủ (nếu có).

Thời hạn miễn thuế sử dụng đất nông nghiệp quy định tại Nghị định này được thực hiện từ ngày 01 tháng 01 năm 2026 đến hết ngày 31 tháng 12 năm 2030.

Nghị định này có hiệu lực thi hành từ ngày 01 tháng 01 năm 2026 và thay thế các Nghị định:

- Nghị định số 20/2011/NĐ-CP ngày 23 tháng 3 năm 2011 của Chính phủ quy định chi tiết và hướng dẫn thi hành Nghị quyết số 55/2010/QH12 ngày 24 tháng 11 năm 2010 của Quốc hội về miễn, giảm thuế sử dụng đất nông nghiệp.
- Nghị định số 21/2017/NĐ-CP ngày 24 tháng 02 năm 2017 của Chính phủ sửa đổi, bổ sung một số điều của Nghị định số 20/2011/NĐ-CP ngày 23 tháng 3 năm 2011 của Chính phủ quy định chi tiết và hướng dẫn thi hành Nghị quyết số 55/2010/QH12 ngày 24 tháng 11 năm 2010 của Quốc hội về miễn, giảm thuế sử dụng đất nông nghiệp.
- Nghị định số 146/2020/NĐ-CP ngày 18 tháng 12 năm 2020 của Chính phủ sửa đổi, bổ sung Điều 5 Nghị định số 20/2011/NĐ-CP ngày 23 tháng 3 năm 2011 của Chính phủ quy định chi tiết và hướng dẫn thi hành Nghị quyết số 55/2010/QH12 ngày 24 tháng 11 năm 2010 của Quốc hội về miễn, giảm thuế sử dụng đất nông nghiệp.

2.2. Nghị quyết 462/NQ-HĐND năm 2025 áp dụng Nghị quyết 09/2022/NQ-HĐND về mức thu lệ phí cấp giấy phép lao động cho người nước ngoài làm việc trên địa bàn Thành phố Hồ Chí Minh trên địa bàn Thành phố Hồ Chí Minh (sau sắp xếp) ngày 14 tháng 11 năm 2025

Áp dụng “Nghị quyết số 09/2022/NQ-HĐND ngày 08 tháng 7 năm 2022 của Hội đồng nhân dân Thành phố Hồ Chí Minh ban hành mức thu lệ phí cấp giấy phép lao động cho người nước ngoài làm việc trên địa bàn Thành phố Hồ Chí Minh” trên địa bàn Thành phố Hồ Chí Minh (sau sắp xếp) đối với hoạt động cung cấp dịch vụ công bằng hình thức trực tiếp.

Nghị quyết số 09/2023/NQ-HĐND ngày 26 tháng 7 năm 2023 của Hội đồng nhân dân tỉnh Bình Dương về quy định mức thu, nộp, quản lý và sử dụng lệ phí cấp giấy phép lao động cho người nước ngoài làm việc trên địa bàn tỉnh Bình Dương.



Thông tư này có hiệu lực thi hành kể từ ngày 01 tháng 5 năm 2026.

Nghị quyết số 17/2023/NQ-HĐND ngày 08 tháng 12 năm 2023 của Hội đồng nhân dân tỉnh Bà Rịa - Vũng Tàu về quy định mức thu, nộp, quản lý và sử dụng lệ phí cấp, cấp lại, gia hạn giấy phép lao động cho người nước ngoài làm việc trên địa bàn tỉnh Bà Rịa - Vũng Tàu.